

Số: 10/2018/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ TẬP HUẤN NHÂN VIÊN CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI MÔN THỂ DỤC THỂ HÌNH VÀ FITNESS

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số [106/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số [79/2017/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động tập luyện và thi đấu môn Thể dục thể hình và Fitness.
2. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao môn Thể dục thể hình và Fitness được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tổ chức tập luyện, thi đấu và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Địa điểm tập luyện

- a) Phòng tập luyện diện tích ít nhất 60 m², Khoảng cách từ sàn đến trần ít nhất 2,8 m, không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng. Khoảng cách giữa các trang thiết bị tập luyện bảo đảm từ 10cm đến 30cm;
- b) Ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- c) Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt;

d) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

đ) Nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

2. Trang thiết bị tập luyện phải bảo đảm theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Địa điểm thi đấu môn Thể dục thể hình và Fitness diễn ra trong nhà, trong sân tập hoặc ngoài trời.

2. Sân khấu: Kích thước sân khấu 12m x 12m và có chiều cao 0,8m. Mặt sân khấu phải được trải thảm mềm. Thảm màu xanh nước biển hoặc màu xanh ngọc.

3. Phong: Phía sau sân khấu thi đấu phải căng một tấm phong với một trong những màu sắc sau đây: Xanh đen, nâu sẫm, xanh lục sẫm, tím sẫm.

4. Bục thi đấu môn Thể dục thể hình đặt ở vị trí trung tâm sân khấu. Kích thước bục dài 06m, rộng 02m và cao 0,3m, có thảm bao xung quanh màu lục nhạt hoặc màu lam nhạt.

5. Ánh sáng từ 1500 lux trở lên. Đối với môn Fitness phải sáng đều khắp sân khấu; đối với môn Thể dục thể hình ánh sáng tập trung chiếu rọi khu vực bục thi đấu.

6. Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt.

7. Khu vực khởi động phải gần địa điểm thi đấu. Trang thiết bị khởi động cần có gồm: Cân tạ, bánh tạ, tạ tay, dây chun, dây lò xo, ghế tập.

Điều 5. Tập huấn nhân viên chuyên môn

1. Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Cử tạ, Thể hình Việt Nam hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thể hình và Fitness.

2. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm xây dựng nội dung, Chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thể hình và Fitness trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

3. Giấy chứng nhận tập huấn nhân viên chuyên môn do cơ quan tổ chức tập huấn cấp. Mẫu giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Mật độ hướng dẫn tập luyện

Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 70 người trong một buổi tập.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.
2. Cơ quan Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này.
3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 04 năm 2018.
2. Thông tư số [16/2010/TT-BVHTTDL](#) ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định Điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Cổng thông tin điện tử Bộ

Nguyễn Ngọc Thiện

VHTTDL;

- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ

VHTTDL;

- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực
thuộc Bộ VHTTDL;

- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục
TDTT;

- Các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao
quốc gia;

- Sở VHTTDL, Sở VHTT các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương;

- Lưu: VT, TCTDTT (10), HA (400).

PHỤ LỤC 1

(Ban hành theo Thông tư số: 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Danh Mục các trang thiết bị tổ chức tập luyện môn Thể dục thể hình và Fitness

TT	Trang thiết bị tập luyện	Số lượng
1	Máy chạy	01
2	Xe đạp	01
3	Giá tạ tập ngực	01
4	Giá tạ tập lưng	01
5	Giá tạ tập chân	01
6	Giá tạ tập tay	01
7	Giá gập bụng - lưng	01
8	Thảm mềm	01
9	Vòng thể dục	01
10	Dây leo	01
11	Bóng	01
12	Bục	01
13	Dây nhảy	01
14	Dây kéo lò so	01
15	Dây chun	01
16	Tạ tay	01
17	Thang gióng	01
18	Ghế thể dục	01
19	Hộp đựng bột xoa tay.	01

PHỤ LỤC 2

(Ban hành theo Thông tư số: 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn môn Thể dục thể hình và Fitness

<p>TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (1) TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2) ----- Số: /GCN....(3)</p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----</p> <p style="text-align: right;">...(4).., ngày ... tháng ... năm 20...</p>
<p>Ấn h 4x6</p>	<p>GIẤY CHỨNG NHẬN Tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thể hình và Fitness</p> <p>..... (2)chứng nhận: Ông (Bà)</p> <p>Sinh ngày thángnăm..... Số CMND/Thẻ căn cước công dân:</p> <p>..... Địa chỉ thường trú:</p> <p>..... Đã hoàn thành Chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thể hình và Fitness. Thời gian: Từ ngày.... đến ngày..... tháng..... năm..... Tại:</p>

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp *(nếu có)*.
- (2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận.
- (4) Địa danh.